**NGHỊ QUYẾT SỐ 21-NQ/TW**

**NGHỊ QUYẾT VỀ CÔNG TÁC DÂN SỐ TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

**I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN**

**1. Kết quả nổi bật**

**Thứ nhất**: Tốc độ gia tăng dân số đã được khống chế thành công, đạt mức sinh thay thế sớm 10 năm so với mục tiêu Nghị quyết đề ra và tiếp tục duy trì cho đến nay. Cơ cấu dân số chuyển dịch tích cực. Từ năm 2007, nước ta bước vào thời kỳ dân số vàng.

*Dân số phụ thuộc, gồm trẻ em từ 0 đến 15 tuổi, nhóm tuổi già từ 65 tuổi trở lên năm 1989 là 39,2%, năm 2016 giảm xuống còn 24%. Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ năm 1993 là 27%, năm 2016 tăng lên 56%. Việt Nam đã bước vào giai đoạn dân số vàng từ năm 2007 và đạt đỉnh vào năm 2020. Dân số vàng là tỷ lệ độ tuổi 15 đến 64 tuổi cao gấp 2 lần nhóm phụ thuộc dưới 15 tuổi và trên 65 tuổi.*

**Thứ hai**: Chất lượng dân số được cải thiện về nhiều mặt. Tuổi thọ trung bình tăng nhanh, đạt 73,4 tuổi năm 2016, cao hơn nhiều nước có cùng mức thu nhập bình quân đầu người. Tình trạng suy dinh dưỡng, tử vong bà mẹ, trẻ em giảm mạnh.

**Thứ ba**: Nhận thức về dân số và kế hoạch hoá gia đình của các cấp, các ngành và toàn dân có bước đột phá. Mỗi cặp vợ chồng có 2 con đã trở thành chuẩn mực, lan toả, thấm sâu trong toàn xã hội.

Tuy nhiên, công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình vẫn còn nhiều hạn chế.

**2.Hạn chế, yếu kém**

**Một là**: Mức sinh giữa các vùng còn chênh lệch đáng kể. Mất cân bằng giới tính khi sinh tăng nhanh, đã ở mức nghiêm trọng. Chưa có giải pháp đồng bộ phát huy lợi thế của thời kỳ dân số vàng và thích ứng với già hoá dân số.

*Miền Đông Nam Bộ trung bình một phụ nữ sinh 1,63 con; khu vực miền núi Trung du phía Bắc 2,69 con; Lai Châu sinh 3,11 con; TP Hồ Chí Minh 1,45 con.*

**Hai là**: Người ít có điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con còn đẻ nhiều, ảnh hưởng đến chất lượng dân số. Chỉ số phát triển con người (HDI) còn thấp. Tỉ lệ suy dinh dưỡng, tử vong bà mẹ, trẻ em còn cao. Tầm vóc, thể lực của người Việt Nam chậm được cải thiện. Tuổi thọ bình quân tăng nhưng số năm sống khoẻ mạnh thấp so với nhiều nước. Tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống còn phổ biến ở một số dân tộc ít người.

*Phụ nữ vùng sâu, vùng biên giới hải đảo kinh tế khó khăn, đẻ nhiều. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở miền Đông Nam Bộ là 8,4%, ở Tây Nguyên là 22,6%. Chiều cao của thanh niên Việt Nam 30 năm qua mới tăng thêm được 3cm, xếp thứ 8/10 nước ASEAN chỉ đứng trên Indonexia, Philipin, kém Lào, Campuchia. Tuổi thọ người Việt đạt 73 tuổi nhưng số năm sống khỏe mạnh chỉ đạt 64 tuổi, còn lại là bị bệnh mãn tính về hô hấp, tim mạch, xương khớp.*

**Thứ ba**: Nguồn lực đầu tư cho dân số, kế hoạch hoá gia đình còn thấp, chưa tương xứng với yêu cầu.

*Kinh phí Trung ương đầu tư cho công tác dân số năm 2012 là 970 tỷ đồng; năm 2013 còn 847 tỷ đồng; năm 2014 là 547 tỷ đồng; giai đoạn 2016-2020 chỉ còn 360 tỷ đồng.*

**3. Nguyên nhân hạn chế, yếu kém**

Trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu;

**Thứ nhất**: Một số cấp uỷ, chính quyền chưa nhận thức đúng và đầy đủ về tính chất lâu dài, khó khăn, phức tạp, tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình; lãnh đạo, chỉ đạo chưa quyết liệt, chưa hiệu quả.

*Một số cấp ủy đảng chưa nhận thức rõ mối quan hệ tác động qua lại với sự phát triển kinh tế - xã hội.*

**Thứ hai**: Trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ làm công tác dân số vẫn còn nặng về kế hoạch hoá gia đình, chưa chú trọng các mặt cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và tác động qua lại với phát triển.

*Có thời kỳ tập trung giảm tỷ suất sinh, đặt vòng, triệt sản, chưa đầu tư thỏa đáng cho chăm sóc bà mẹ khi mang thai, sàng lọc thai nhi.*

**Thứ ba**: Tư tưởng muốn có nhiều con, trọng nam hơn nữ vẫn còn khá phổ biến trong một bộ phận nhân dân, kể cả cán bộ, đảng viên.

*Theo kết quả điều tra dư luận xã hội, trong 3.000 phiếu điều tra có tới 80% người hỏi muốn có con trai, con gái. 83% bà mẹ muốn biết giới tính thai nhi trước khi sinh. Cơ hội bé gái ra đời trong những gia đình đã có con gái là rất ít. Tỷ lệ nạo phá thai tăng lên 300.000 ca/năm.*

**2. Dự báo tình hình**

Tình hình thế giới, trong nước đã và đang có nhiều thay đổi. Các nước và các tổ chức quốc tế đều đề cao công tác dân số, coi đây là vấn đề có quan hệ gắn bó và ý nghĩa hết sức quan trọng đối với phát triển bền vững của mỗi quốc gia, dân tộc. Quá trình toàn cầu hoá, đô thị hoá, công nghiệp hoá dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và biến đổi khí hậu, thay đổi về điều kiện, lối sống, môi trường sống và làm việc, môi trường sinh thái đã và đang dẫn đến những thay đổi nhanh chóng về mô hình gia đình, kết hôn, ý thức và khả năng sinh sản, tăng nhanh quá trình di cư... Ở trong nước, chính sách hạn chế mức sinh kéo dài, rộng khắp cả nước cũng bắt đầu phát sinh những hệ luỵ cần sớm được khắc phục, đòi hỏi phải có những đổi mới công tác dân số để giải quyết toàn diện, đồng bộ và căn bản hơn các vấn đề về dân số.

**II**.**QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU**

**1. Quan điểm**

- Dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác dân số là nhiệm vụ chiến lược, vừa cấp thiết vừa lâu dài; là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân.

- Tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển. Công tác dân số phải chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các yếu tố kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo đảm phát triển nhanh, bền vững.

- Chính sách dân số phải bảo đảm cân bằng, hài hoà giữa quyền và nghĩa vụ của mọi người dân; giữa việc tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi với thực thi nghiêm kỷ cương pháp luật.

- Đầu tư cho công tác dân số là đầu tư cho phát triển. Nhà nước ưu tiên bố trí ngân sách, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá; tranh thủ sự hỗ trợ của quốc tế để bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số.

Quan điểm mới trong Nghị quyết về công tác dân số trong tình hình mới, lần đầu tiên trong suốt 25 năm qua, Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhận định nếu duy trì chính sách giảm sinh quá lâu sẽ để lại những hệ lụy rất khó giải quyết. Do đó, chính sách dân số được chuyển hướng trọng tâm từ KHHGĐ sang Dân số và Phát triển, giải quyết toàn diện các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bổ và chất lượng dân số.

**2. Mục tiêu**

Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hoá dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững.

***Đến năm 2030:***

-Duy trì vững chắc mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con), quy mô dân số 104 triệu người.

Giảm 50% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị, miền núi và đồng bằng; 50% số tỉnh đạt mức sinh thay thế; mọi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại; giảm 2/3 số vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn.

- Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc có dưới 10 nghìn người, đặc biệt là những dân tộc có rất ít người.

- Tỉ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; tỉ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 22%; tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 11%; tỉ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng 49%.

- Tỉ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khoẻ trước khi kết hôn đạt 90%; giảm 50% số cặp tảo hôn, giảm 60% số cặp hôn nhân cận huyết thống; 70% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 90% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khoẻ mạnh đạt tối thiểu 68 năm; 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khoẻ, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

- Chiều cao người Việt Nam 18 tuổi đối với nam đạt 168,5 cm, nữ đạt 157,5 cm. Chỉ số Phát triển con người (HDI) nằm trong nhóm 4 nước hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

- Tỉ lệ dân số đô thị đạt trên 45%. Bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở vùng biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn. Bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc.

**III**.**NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền các cấp**

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác dân số. Thống nhất nhận thức của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội về tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách từ tập trung vào kế hoạch hoá gia đình sang giải quyết toàn diện các vấn đề quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Đưa công tác dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền các cấp. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các yếu tố dân số trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của cả nước, của từng ngành, từng địa phương. Phát huy tối đa lợi thế dân số vàng, thích ứng với già hoá dân số.

Đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chủ trương, chính sách về công tác dân số, nhất là sinh đủ 2 con, chú trọng nuôi dạy con tốt, gia đình hạnh phúc, tạo sức lan toả sâu rộng trong toàn xã hội.

**2. Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số**

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nội dung truyền thông, giáo dục phải chuyển mạnh sang chính sách dân số và phát triển.

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Tập trung vận động sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao; duy trì kết quả ở những nơi đã đạt mức sinh thay thế; sinh đủ 2 con ở những nơi có mức sinh thấp.

Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới; đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Tạo chuyển biến rõ nét ở những vùng có tỉ số giới tính khi sinh cao.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khơi dậy phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khoẻ, tầm vóc, thể lực người Việt Nam. Nâng cao nhận thức, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về cư trú, về cấm tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, sức khoẻ sinh sản trong và ngoài nhà trường. Hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khoẻ sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ.

**3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số**

Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về dân số gắn với xây dựng gia đình hạnh phúc. Rà soát, điều chỉnh hoặc bãi bỏ một số quy định về xử lý vi phạm trong công tác dân số; đồng thời đề cao tính gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình văn hoá, hạnh phúc. Nâng cao hiệu lực pháp lý trong quản lý và tổ chức thực hiện, bảo đảm đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người dân, triển khai toàn diện các nội dung của công tác dân số. Kiện toàn hệ thống thanh tra chuyên ngành dân số, tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm.

Rà soát, bổ sung các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi. Ngăn ngừa có hiệu quả việc lạm dụng khoa học - công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi. Đẩy mạnh công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Ban hành Chiến lược dân số trong tình hình mới; phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển đất nước nhanh, bền vững và thích ứng với già hoá dân số.

Hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội; xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của ngýời sử dụng lao ðộng và ngýời lao ðộng cao tuổi. Tích cực, chủ ðộng xây dựng môi trýờng thân thiện với ngýời cao tuổi.

Rà soát, nâng cao chất lượng quy hoạch các đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, chủ động chuẩn bị các điều kiện để dân cư được phân bố tương ứng, phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng của từng vùng và trong chiến lược tổng thể xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Có chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng với các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ thoả đáng để thu hút, tạo điều kiện cho người dân sinh sống ổn định, lâu dài ở các khu vực khó khăn, trọng yếu về an ninh, quốc phòng. Thực hiện có hiệu quả chính sách bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số, đặc biệt là các dân tộc thiểu số rất ít người.

**4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số**

Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số.

Tiếp tục củng cố mạng lưới dịch vụ kế hoạch hoá gia đình. Phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, hỗ trợ sinh sản, tư vấn kiểm tra sức khoẻ sinh sản trước hôn nhân. Tăng cường kết nối, hợp tác với các cơ sở cung cấp dịch vụ ngoài công lập. Đổi mới phương thức cung cấp, đưa dịch vụ tới tận người sử dụng; thúc đẩy cung cấp dịch vụ qua mạng.

Sắp xếp lại hệ thống các cơ sở bảo trợ xã hội công lập theo hướng đẩy mạnh xã hội hoá, tạo lập môi trường thân thiện, hoà nhập giữa các nhóm đối tượng và với xã hội.

Phát triển mạnh hệ thống chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế. Khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở cung cấp các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, văn hoá, giải trí của người cao tuổi.

Ưu tiên đầu tư nguồn lực nhà nước, đồng thời huy động nguồn lực xã hội phát triển các cơ sở cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản bảo đảm các nhóm dân số đặc thù như trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc ít người, người di cư… đều thực sự bình đẳng về cơ hội tham gia, thụ hưởng thành quả phát triển.

Đẩy mạnh nghiên cứu về dân số và phát triển, nhất là các vấn đề mới, trọng tâm về cơ cấu, chất lượng, phân bố dân số và lồng ghép yếu tố dân số vào kế hoạch phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực. Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước, phát triển mạng lưới nghiên cứu về dân số và phát triển.

**5**.**Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số**

Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho công tác dân số, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ, giáo dục, đào tạo, văn hoá, thể thao... nhằm nâng cao chất lượng dân số, đời sống mọi mặt của nhân dân, nhất là đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo.

Đẩy mạnh xã hội hoá, có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số.

Phát triển thị trường, đa dạng hoá các gói bảo hiểm, bao gồm bảo hiểm nhà nước, bảo hiểm thương mại với nhiều mệnh giá tương ứng các gói dịch vụ khác nhau để các nhóm dân số đặc thù đều bình đẳng trong việc tham gia và thụ hưởng các dịch vụ phúc lợi, an sinh xã hội.

**6**.**Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số**

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất. Có chính sách đãi ngộ thoả đáng, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cộng tác viên ở thôn, bản, tổ dân phố...

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, thực hiện chuẩn hoá đội ngũ cán bộ dân số các cấp, các ngành đáp ứng yêu cầu chuyển hướng sang chính sách dân số và phát triển. Đưa nội dung dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, tập huấn, nghiên cứu khoa học.

Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành nhằm tăng cường chỉ đạo, điều phối hoạt động của các ngành, cơ quan có chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan tới dân số và phát triển.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ, tạo thuận lợi cho người dân. Đẩy nhanh triển khai thực hiện đăng ký dân số và cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia thống nhất dùng chung đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội. Cung cấp số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ việc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

**7. Tăng cường hợp tác quốc tế**

Chủ động, tích cực hội nhập, tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dân số. Tích cực tham gia các tổ chức, diễn đàn đa phương, song phương về dân số và phát triển. Tranh thủ sự đồng thuận, hỗ trợ về tài chính, tri thức, kinh nghiệm và kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế. Tập trung nguồn lực để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc về dân số.

Nghị quyết của Trung ương Đảng về dân số đã đặt trong tâm vào vấn đề giải quyết tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

Từ năm 1993, về mặt luật pháp, Việt Nam không có bất cứ văn bản quy phạm pháp luật nào quy định xử phạt những người dân sinh con thứ ba trở lên, trừ nhóm đối tượng là đảng viên.

Nhà nước không có quy định khống chế/cho phép người dân được sinh bao nhiêu con.Tuy nhiên, Việt Nam có chính sách vận động. Mỗi người dân Việt đều quen thuộc với khẩu hiệu: “Mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ 1 đến 2 con” hay “Dừng lại ở hai con để nuôi dạy cho tốt”.

Hiện nay có 7 tỉnh, như Thái Bình, Hưng Yên, Hải Dương… có những quy định liên quan đến xử lý vi phạm đối với người sinh con thứ ba trở lên. Hiện Tổng cục DS-KHHGĐ đã phối hợp với Bộ Tư pháp làm việc trực tiếp với từng địa phương để rà soát, sửa đổi các nội dung không phù hợp với quy định hiện hành. Trước mắt, Bộ Tư pháp và các tỉnh đồng thuận với cách làm này, theo quan điểm là cùng bàn để tháo dần các vướng mắc và không tiến hành đột ngột.

Đối với những địa phương có xây dựng những quy ước, hương ước như những gia đình sinh con thứ ba trở lên không được công nhận là “gia đình văn hóa”, hoặc nơi nào có trường hợp sinh con thứ ba sẽ không được công nhận là “làng văn hóa”, “xóm văn hóa”. Những quy ước, hương ước này là do cộng đồng nơi đó thỏa thuận và cùng nhau xây dựng nên - đây cũng là phong tục, là truyền thống của người Việt Nam từ xưa đến nay.

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo việc hoàn thiện pháp luật liên quan đến công tác dân số.

**2.** Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ để thực hiện Nghị quyết.

**3.** Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Y tế, Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về nội dung, kết quả thực hiện.

**4.**Ban cán sự đảng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn và cấp uỷ trực thuộc Trung ương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết./.

\*

\* \*

Có thể khẳng định, nội dung chương trình của Hội nghị Trung ương 6 đã đề cập tới nhiều vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm, rộng lớn, vừa cơ bản, vừa cấp bách, liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, đổi mới chính trị đồng bộ với đổi mới phát triển kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng; có tác động trực tiếp đến đời sống của nhân dân, đến đông đảo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cả nước, được xã hội đặc biệt quan tâm và kỳ vọng.